

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2023/DS-ST

Ngày: 16/6/2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản và hợp đồng góp hụi*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Dân An;
2. Bà Đỗ Thị Mỹ Hạnh.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hoàng Kim Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Ông Phan Thanh Nhã – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 tháng 5 năm 2023 và ngày 16 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 05/2023/QĐST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2023 và Thông báo mở lại phiên tòa số 05/TB-TA, ngày 09 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **N.T.L**, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Số 9, Hẻm 20, đường Phạm Văn Đồng, Khu Phố A, phường B, thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Ông Nguyễn Văn Hoàng, sinh năm 1962; địa chỉ: Số 12, hẻm 105, đường CMT8, khu phố Ninh Phước, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh (Hợp đồng ủy quyền số công chứng: 1223 ngày 20/02/2023) (có mặt).

- Bị đơn: Ông **N.H.T**, sinh năm 1973;

Bà **P.T.M.L**, sinh năm 1974;

Anh **N.H.T**, sinh năm 1994;

Cùng địa chỉ: Số 7, Hẻm 86, đường Trần Phú, khu phố A, phường B, thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/02/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Hoàng trình bày:**

Bà N.T.L và vợ chồng ông N.H.T, bà P.T.M.L và con trai ông T là anh N.H.T quen biết nhau nhiều năm. Vợ chồng ông T, bà L và anh T có tham gia góp hụi do bà L làm chủ thảo, đồng thời có vay tiền của bà L để giải quyết việc gia đình, cụ thể như sau:

Đối với tiền hụi:

1/ Dây hụi 10.000.000 đồng/tháng, khai ngày 26/06/2021 âm lịch, có 24 hụi viên. Vợ chồng bà L, ông T tham gia 02 phần. Hụi khai bằng hình thức bỏ thăm, ông T và bà L bỏ thăm 3.600.000 đồng và là người trúng thăm, hốt hụi được số tiền là 142.200.000 đồng (đã trừ tiền cò 5.000.000 đồng). Hụi khai lần 2 vào ngày 26/07/2021. Thăm hụi là 3.700.000 đồng, bà L và ông T là người trúng thăm và hốt hụi được số tiền là 139.900.000 đồng (đã trừ cò 5.000.000 đồng), còn lại 05 lần hụi chết, ông T bà L phải đóng: 05 lần x 02 phần x 10.000.000 đồng = 100.000.000 đồng.

2/ Dây hụi 10.000.000 đồng/tháng, khai ngày 12/11/2021 âm lịch, có 24 hụi viên. Vợ chồng ông T, bà L tham gia 02 phần. Hụi khai bằng hình thức bỏ thăm, ông T và bà L bỏ thăm là 3.500.000 đồng, đã hốt hết 02 phần là 289.000.000 đồng (đã trừ tiền cò), cách thức hốt 02 phần hụi giống như hụi ngày 29/10/2022, còn lại 09 lần hụi chết: 09 lần x 02 x 10.000.000 đồng = 180.000.000 đồng.

3/ Dây hụi 10.000.000 đồng/tháng, khai ngày 16/02/2022 âm lịch, có 24 hụi viên. Vợ chồng ông T, bà L tham gia 02 phần. Hụi khai bằng hình thức bỏ thăm, ông T và bà L bỏ thăm là 3.500.000 đồng, đã hốt hết 02 phần với số tiền là 289.000.000 đồng, cách thức hốt 02 phần hụi giống như hụi ngày 12/11/2022, còn lại 12 lần hụi chết: 12 lần x 02 x 10.000.000 đồng = 240.000.000 đồng.

4/ Dây hụi 10.000.000 đồng/tháng, khai ngày 19/06/2022 âm lịch, có 24 hụi viên. Vợ chồng ông T, bà L tham gia 02 phần. Hụi khai bằng hình thức bỏ thăm, ông T và bà L bỏ thăm là 3.500.000 đồng, đã hốt hết 02 phần, cách thức hốt giống như dây hụi khai ngày 06/09/2022, được số tiền là 289.000.000 đồng

(đã trừ tiền cò), còn lại 17 lần hụi chết: $17 \text{ lần} \times 02 \times 10.000.000 \text{ đồng} = 340.000.000 \text{ đồng}$.

5/ Dây hụi 10.000.000 đồng/tháng, khai ngày 06/09/2022 âm lịch, có 24 hụi viên. Vợ chồng ông T, bà L tham gia 02 phần. Hụi khai bằng hình thức bỏ thăm, ông T và bà L bỏ thăm 3.500.000 đồng, trúng thăm và hốt 01 phần được số tiền là 144.500.000 đồng, đồng thời do bà L và ông T cần vốn nên có thoả thuận là bà L cho bà L, ông T hốt tiếp phần hụi thứ 2 bằng hình thức bán hụi cho bà L với giá hụi bỏ thăm là 3.500.000 đồng và bà L đã giao tiền mặt là $144.500.000 \text{ đồng} \times 2 = 289.000.000 \text{ đồng}$ (đã trừ cò), thể hiện bà L, ông T đã hốt hết 02 phần hụi, còn lại 19 lần hụi chết: $19 \text{ lần} \times 02 \text{ phần} \times 10.000.000 \text{ đồng} = 380.000.000 \text{ đồng}$.

6/ Dây hụi 20.000.000 đồng/tháng, khai ngày 29/10/2022 âm lịch, có 24 hụi viên. Vợ chồng ông T, bà L tham gia 02 phần. Hụi khai bằng hình thức bỏ thăm, ông T và bà L bỏ thăm là 7.500.000 đồng, đã hốt hết 02 phần với số tiền là 555.000.000 đồng (đã trừ tiền cò), cách thức hốt 02 phần hụi giống như hụi khai ngày 19/06/2022 và ngày 06/09/2022, còn lại 22 lần hụi chết: $22 \text{ lần} \times 02 \times 20.000.000 \text{ đồng} = 880.000.000 \text{ đồng}$.

Vợ chồng ông T, bà L nợ tiền hụi tổng cộng là: 2.120.000.000 đồng (Hai tỷ, một trăm, hai mươi triệu đồng), hứa mỗi tháng trả 100.000.000 đồng cho đến khi hết nợ hụi nhưng vẫn không thanh toán như lời đã hứa.

Đối với tiền vay:

1/ Ngày 29/11/2022 âm lịch, vợ chồng ông T, bà L cùng con ruột là anh N.H.T viết giấy tay mượn bà L số tiền 250.000.000 đồng, lãi suất không ghi trong giấy vay, hai bên thoả thuận mượn đến ngày 29/01/2023 sẽ hoàn trả gốc và lãi.

2/ Ngày 29/12/2022 âm lịch, ông T bà L viết giấy tay vay 140.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận miệng, hai bên thoả thuận mượn đến 29/01/2023 trả gốc và lãi.

3/ Ngoài 02 lần mượn nêu trên, thì trong năm 2022, ông T bà L cùng anh N.H.T có viết giấy tay mượn tiền bà L nhiều lần, lãi không ghi trong giấy mượn tiền, đến ngày 04/02/2023 các bên thống nhất viết giấy tay nhận nợ là 1.270.000.000 đồng. Thời hạn trả dần đến tháng 06/2023. Bà L, ông T, anh T hẹn 01 tuần kể từ ngày 04/02/2023 sẽ trả số tiền 140.000.000 đồng và các tuần tiếp theo trả số tiền 100.000.000 đồng nhưng không trả mà còn thách thức bà L khởi kiện.

Số tiền vay tổng cộng là 1.660.000.000 đồng.

Nay Bà L yêu cầu ông T, bà L có nghĩa vụ trả nợ hụi số tiền là 2.120.000.000 đồng (Hai tỷ, một trăm hai mươi triệu đồng) và trả số tiền nợ vay

là 140.000.000 đồng (Một trăm, bốn mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất. Bà L yêu cầu ông T, bà L và anh T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ vay là 1.520.000.000 đồng (Một tỷ, năm trăm, hai mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất.

*** Nguyên đơn bà N.T.L trình bày:** Thống nhất lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền, không có ý kiến gì khác.

*** Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà P.T.M.L, ông N.H.T, anh N.H.T trình bày:**

Thống nhất lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về vấn đề tiền hui. Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/3/2023, vợ chồng bà L, ông T chỉ thừa nhận số tiền 2.020.000.000 đồng, nhưng sau khi đối chiếu lại thì đồng ý trả số tiền 2.120.000.000 đồng, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên yêu cầu trả dần mỗi tháng 20.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Đối với số tiền vay thì thừa nhận có vay của bà L tổng cộng 1.660.000.000 đồng và xin trả mỗi tháng 20.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

*** Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh N.H.T trình bày:**

Anh không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà N.T.L. Anh bị ông T, bà L, bà L kêu ký không giấy nợ không có nội dung, anh không có mượn tiền của bà L.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành phát biểu ý kiến:**

Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 166, 463, 466 và 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà N.T.L đối với bị đơn là bà P.T.M.L, ông N.H.T, anh N.H.T về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui.

Buộc bà P.T.M.L, ông N.H.T có nghĩa vụ trả nợ hui là 2.120.000.000 đồng và trả nợ vay là 140.000.000 đồng, ghi nhận không yêu cầu tính lãi; Buộc bà P.T.M.L, ông N.H.T và anh N.H.T có nghĩa vụ liên đới trả nợ vay là

1.520.000.000 đồng, ghi nhận không yêu cầu tính lãi. Xác định nghĩa vụ án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nội dung vụ án: Bà N.T.L và vợ chồng ông N.H.T, bà P.T.M.L và con ruột ông T, bà L là anh N.H.T có quen biết, không có quan hệ họ hàng.

[1.1] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà L yêu cầu vợ chồng ông T, bà L có nghĩa vụ trả tiền nợ hui là 2.120.000.000 đồng (Hai tỷ, một trăm, hai mươi triệu đồng) và trả số tiền vay là 140.000.000 đồng (Một trăm, bốn mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi; Bà L yêu cầu vợ chồng ông T, bà L và anh T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay là 1.520.000.000 đồng (Một tỷ, năm trăm hai mươi triệu đồng), không yêu cầu tiền lãi.

[1.2] Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/3/2023, biên bản hòa giải ngày 18/4/2023 và tại phiên tòa: vợ chồng ông T, bà L đồng ý trả tiền nợ hui là 2.120.000.000 đồng (Hai tỷ, một trăm, hai mươi triệu đồng) và tiền vay là 140.000.000 đồng (Một trăm, bốn mươi triệu đồng) theo yêu cầu của bà L, nên ghi nhận.

[1.3] Về số tiền vay 1.520.000.000 đồng: Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải cùng ngày 18/4/2023, cũng như tại phiên tòa: anh T không đồng ý cùng cha mẹ ruột là ông T và bà L trả nợ cho bà L, anh cho rằng cha mẹ anh có mượn tiền của bà L, anh thừa nhận có ký 02 giấy mượn tiền đề ngày 29/11/2022 với số tiền là 250.000.000 đồng và ngày 04/02/2023 với số tiền là 1.270.000.000 đồng. Tổng cộng là 1.520.000.000 đồng, nhưng chỉ ký khống. Lời khai của anh thống nhất với lời khai của ông T, bà L nhưng không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận. Lời trình bày của bà L phù hợp với các chứng cứ là các giấy nợ và giấy hui nên có cơ sở chấp nhận.

[1.4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L đối với vợ chồng bà L, ông T và anh T về việc yêu cầu vợ chồng ông T, bà L có nghĩa vụ trả số tiền tổng cộng là 2.260.000.000 đồng (Hai tỷ, hai trăm, sáu mươi triệu đồng), trong đó: tiền nợ hui là 2.120.000.000 đồng (Hai tỷ, một trăm, hai mươi triệu đồng) và tiền nợ vay là 140.000.000 đồng (Một trăm, bốn mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi; yêu cầu vợ chồng ông T, bà L và anh T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay là 1.520.000.000 đồng (Một tỷ, năm trăm, hai mươi triệu đồng), không yêu cầu tiền lãi.

[2] Về án phí: Theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

[2.1] Bà L, ông T phải liên đới chịu án phí đối với số tiền phải trả cho bà L là 2.260.000.000 đồng, trong đó: tiền nợ hui là 2.120.000.000 đồng và tiền nợ vay là 140.000.000 đồng. Án phí phải chịu là 77.200.000 đồng.

[2.2] Bà L, ông T và anh T phải liên đới chịu án phí đối với số tiền phải trả cho bà L là 1.520.000.000 đồng. Án phí phải chịu là 57.600.000 đồng.

[3] Các đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 166, 463, 466 và 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTP-TANDTC về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.T.L đối với bà P.T.M.L, ông N.H.T, anh N.H.T về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui.

Buộc bà P.T.M.L, ông N.H.T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà N.T.L số tiền là 2.260.000.000 đồng (Hai tỷ, hai trăm, sáu mươi triệu đồng), ghi nhận bà L không yêu cầu tiền lãi.

Buộc bà P.T.M.L, ông N.H.T và anh N.H.T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà N.T.L số tiền là 1.520.000.000 đồng (Một tỷ, năm trăm, hai mươi triệu đồng), ghi nhận bà L không yêu cầu tiền lãi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả cho bà N.T.L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 53.800.000 đồng (Năm mươi ba triệu, tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0021346 ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Bà P.T.M.L, ông N.H.T phải liên đới chịu 77.200.000 đồng (Bảy mươi bảy triệu, hai trăm nghìn đồng).

Bà P.T.M.L, ông N.H.T và anh N.H.T phải liên đới chịu 57.600.000 đồng (Năm mươi bảy triệu, sáu trăm nghìn đồng)

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- Chi cục THADS thị xã Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thùy Trang